



VAI TRÒ CỦA GIÁNG VIÊN TRONG VIỆC TẠO ĐỘNG LỰC THỨC ĐẨY HỌC VIÊN HỌC TẬP

Đại úy, ThS. Vũ Thị Hà *

Tóm tắt nội dung: *Nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên và kết quả học tập của học viên là nguyện vọng và trách nhiệm của tất cả các Nhà trường nói chung, các Trường Công an nhân dân nói riêng. Tuy nhiên, để đạt được mục đích ấy, yếu tố quan trọng là giảng viên phải tạo được động lực thúc đẩy học tập của học viên cũng như cần phải có điều kiện quan trọng trong việc phát triển động lực thúc đẩy ấy. Các nhà tâm lý giáo dục đã đưa ra một số nhận định và một số điều kiện cần bàn để giảng viên hướng dẫn học viên phát triển động lực học tập hiệu quả..*

Động lực thúc đẩy học tập của học viên là yếu tố quan trọng trong vấn đề tiếp nhận kiến thức. Giảng viên hay học viên đóng vai trò quan trọng trong động lực này? Ai cũng phải nhìn nhận, đây là vai trò của học viên, nhưng ta đều biết, đa số học viên còn vô tư, ít muốn ghép vào một khuôn phép để học hỏi. Vì vậy, giảng viên đi trước, hướng dẫn học viên làm thế nào để phát triển động lực thúc đẩy học tập.

Các nhà tâm lý giáo dục đưa ra một số nhận định để giảng viên hướng dẫn học viên phát triển động lực học tập, cụ thể như sau:

Thứ nhất, khởi sự bài dạy với lời giới thiệu về giá trị của bài học hoặc môn học

Bryphy và một số đồng nghiệp là các nhà tâm lý giáo dục đã nghiên cứu “*Relationship Between Teacher Presentations of Classroom Tasks and Students Engagement in Those Tasks – Liên quan giữa những hướng dẫn của giảng viên và thái độ học tập của học sinh*” xuất bản năm 2003. Cho rằng thông thường ngay cả một số giảng viên kinh nghiệm, giảng dạy có hiệu quả đã lãng quên việc khởi sự bài dạy với những lời giới thiệu về giá trị của bài học để khuyến khích động lực thúc đẩy học tập. Học viên đáng được tiếp nhận những lời nhận định này để mở đường cho việc hứng thú tìm tòi học hỏi, tức là khuyến khích động lực thúc đẩy học tập. Hãy nói cho học viên biết rằng bài học

hôm nay quan trọng vì nội dung của bài chuẩn bị cho việc tìm tòi học hỏi nhiều vấn đề khác, nên rất có ý nghĩa và có lý do để học tập.

Thứ hai, nêu ra mục đích của bài học và những gì học viên phải thực hiện

Giảng viên nên trình bày mục đích chính của bài học một cách sáng tỏ, gọn gàng. Trong trường hợp giảng viên không nêu ra được mục đích chính một cách sáng tỏ, học viên hoang mang không biết làm thế nào để học tập một cách có hiệu quả. Có đưa ra mục đích của bài học, học viên sẽ tập trung tư tưởng vào mục đích này và chắc chắn hiểu bài, bài làm có kết quả tốt hơn. Một học viên chăm chỉ, năng động nhưng hoang mang về mục đích của bài học, chắc chắn làm bài thiếu chuẩn xác, đôi khi đi ra ngoài đề hay không sát đề và kết quả không mỹ mãn. Vì vậy, điều quan trọng là trong bài soạn, giảng viên ghi rõ mục đích của bài học bằng một câu văn ngắn gọn.

Có được lời giới thiệu về giá trị của bài học, nêu ra được mục đích của bài học là hai nguyên tắc khởi thủy để học tập thành công.

Thứ ba, nêu ra mục đích thực tế hơn là mục đích cao xa

Mục đích thực tế là mục đích trực tiếp hay mục đích ngắn hạn, cũng là mục đích đặc biệt;

* P. Trưởng Bộ môn Tâm lý,
Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II.



mục đích cao xa là mục đích gián tiếp, mục đích tổng quát hay mục đích dài hạn. Việc nêu ra mục đích thực tế của bài học khuyến khích một cách có hiệu quả khả năng học tập cũng như động lực thúc đẩy học tập.

Thứ tư, khen ngợi và nhắc nhở thích đáng

Khi học viên trả lời một câu hỏi, hoàn thành một bài áp dụng, giảng viên kiểm điểm và dĩ nhiên có ý kiến về những câu hỏi bài làm này. Đây là những lời khen ngợi nếu bài làm, câu trả lời tốt; nếu câu trả lời hay bài làm còn thiếu sót, giảng viên cũng phải đưa ra lời nhắc nhở để khuyến khích học viên cố gắng hơn.

Các nhà tâm lý học giáo dục đồng ý rằng khen ngợi hay nhắc nhở phải được thích đáng. Không khen ngợi quá nhiều và những lời nhắc nhở phải được thể hiện đồng thời giữa các học viên chuẩn bị bài chu đáo như nhau hoặc làm bài kiểm tra tốt như nhau. Có học viên đã phàn nàn rằng bài làm của hai người tương tự nhau nhưng người bạn đã được giảng viên khen ngợi nhiệt liệt và cho điểm cao hơn trong khi giảng viên chỉ khen ngợi một cách tổng quát về bài làm của em và cho điểm thấp hơn. Đây là một điểm tâm lý rất đáng quan tâm. Một vài học viên được cô giáo hay thầy giáo chú ý đặc biệt vì giao tiếp tốt hay là con em của các đồng nghiệp, nên thường được giảng viên quan tâm. Điều quan tâm này vô tình đem đến những thiên lệch ngoài ý muốn trong khi đánh giá. Việc khen ngợi phải được thể hiện một cách thích đáng, không nên khen ngợi quá đáng vì lời khen ngợi này có thể làm học viên ngượng ngùng; tai hại hơn, học viên trong lớp có thể có cảm tưởng giảng viên thiếu thận trọng trong việc đánh giá học viên. Khen ngợi thích đáng để xác nhận khả năng tiếp nhận kiến thức của học viên, đồng thời khen ngợi còn là một phần thưởng tinh thần để phát triển óc sáng tạo, phát triển động lực thúc đẩy học tập của học viên.

Không phải trường hợp nào cũng khen ngợi. Có những câu trả lời thiếu sót, bài làm không đầy đủ, giảng viên không thể khen ngợi; mà trái lại, nên có những lời nhận định nhắc nhở học viên cố gắng về những điểm nào để cải

tiến. Tuy nhiên, trước khi nhắc nhở, giảng viên cũng cần nêu một vài chi tiết học viên đã hoàn thành để khen ngợi, với mục đích làm giảm thiểu nỗi thất vọng khi giảng viên nêu ra những điểm thiếu sót và khuyến khích tìm tòi học hỏi thêm.

Có những giảng viên thường sử dụng quyền khen thưởng một cách rộng rãi vì dễ dãi, có những giảng viên khác ít sử dụng quyền này vì khó tính. Cả hai thái độ trên đều không thích hợp với vai trò giảng viên hiện đại vì khen ngợi là một thể thức đánh giá cần phải được thực hiện một cách nghiêm chỉnh.

Lời khen ngợi thích đáng rất quan trọng, xác nhận khả năng học tập của một học viên trước mặt cả lớp học; khen ngợi không thích đáng, làm giảm giá trị khả năng đánh giá của giảng viên, làm học viên hiểu lầm về khả năng thực sự của họ. Lời khen bằng miệng đã quan trọng, lời khen trên giấy trắng mực đen còn quan trọng hơn vì không những học viên đọc mà còn bạn bè đọc. Việc phê bình trên bài làm thiếu thận trọng làm giảm uy tín của giảng viên, làm thiên lệch đến kết quả học tập, làm suy giảm giá trị giáo dục.

Thứ năm, khơi động trí tò mò liên tục

Khơi động trí tò mò là đưa ra ý kiến có tính cách khám phá, có tính cách nghi ngờ, có tính mâu thuẫn, có tính cách tương đồng, có tính cách khác biệt.

Khơi động trí tò mò giai đoạn đầu không đủ. Sự khơi động này cần phải có tính cách liên tục, từ khởi đầu chủ đề học tập tới khi chủ đề học tập chấm dứt. Ở đây các nhà tâm lý giáo dục có ý muốn đề cập đến mỗi đề tài học tập trong chủ đề học tập phải có những liên quan hỗ tương. Hiểu bài cũ mới có thể học bài mới. Khởi sự học tập bài mới, giảng viên nhắc nhở học viên nhớ lại những chi tiết nào của bài cũ để khơi động trí tò mò về tìm hiểu bài mới. Không những nhắc nhở, mà còn lợi dụng mọi trường hợp để ôn tập bằng cách đặt những câu hỏi có liên quan đến những dữ kiện, những con số thống kê cũ để tìm hiểu những sự kiện của bài học mới.

Việc đặt ra câu hỏi và định người trả lời trong lớp đóng góp một cách hiệu quả để khơi



động trí tò mò liên tục này. Sau khi đặt câu hỏi, giảng viên không chỉ định người giơ tay, mà chỉ định một học viên khác trả lời. Việc chỉ định này có lợi điểm khuyến khích trí tò mò khám phá của những học viên thường và kém có cơ hội học tập. Luôn luôn chỉ định những người giơ tay trả lời làm giảm bớt trí tò mò, khám phá của một số học viên ngại ngùng. Chỉ định họ trả lời, giúp họ tự tin và sẽ trở thành những học viên có khả năng để giơ tay xin trả lời. Tuy nhiên, đối với những học viên thường giơ tay, nếu họ không được giảng viên chiếu cố, sẽ thất vọng và trở thành thiếu cộng tác. Do đó, sau khi những học viên nhút nhát trả lời, giảng viên chỉ định một vài học viên đã giơ tay từ trước nhận định và bổ sung ý kiến. Như vậy, trí tò mò để thúc đẩy học tập của các học viên trong lớp đều được khơi động và khuyến khích.

Thứ sáu, cho ví dụ quen thuộc và thực tế

Trong khi giảng dạy, giảng viên nên đưa ra nhiều những ví dụ điển hình, học viên có thể thấy được ở thực tế. Nếu là ví dụ trừu tượng về các quan điểm, ý niệm, những ví dụ này học viên có thể cảm nhận và thông hiểu. Đưa ra ví dụ, còn phải nêu yêu cầu học viên đưa ra ví dụ khác tương tự để đoán chắc rằng họ hiểu vấn đề và có khả năng đưa ra ví dụ cụ thể để chứng minh. Nếu việc đề ra một ví dụ về vấn đề trừu tượng có khó khăn, giảng viên đặt câu hỏi hướng dẫn để học viên đưa ra nhiều ví dụ khác.

Thứ bảy, ngăn chặn những thiên kiến, thành kiến gây trở ngại học tập

Đây là những thiên kiến, thành kiến gây ra những bất bình cả về phía giảng viên lẫn học viên, gây trở ngại cho việc học tập. Giảng viên cũng là con người bình thường, có những quan điểm và những quan điểm này đôi khi thiên lệch về nhiều vấn đề. Trong cuộc sống hàng ngày, giảng viên thường biểu lộ quan điểm cá nhân này. Nhưng trong lớp học, với vai trò hướng dẫn học viên nhận định và tiếp nhận kiến thức một cách trung thực về các quan điểm, về các sự kiện ngoài xã hội, giáo viên phải quên đặc điểm cá tính bản thân để việc hướng dẫn có hiệu quả, để học viên tiếp nhận kiến thức một cách khách

quan, không bị quan điểm thiên lệch của giảng viên ảnh hưởng và chi phối.

Trở ngại học tập còn có thể là tình trạng mệt mỏi của học viên trong khi học tập. Giảng viên cần phải nhận biết những trường hợp này, thường xảy ra vào giờ cuối cùng trong ngày hay một vài giờ cuối cùng trong tuần lễ. Với những giờ học này, giảng viên nên điều chỉnh giáo án một cách đơn giản hơn, không đòi hỏi quá nhiều sự suy nghĩ hay tiếp thu một lượng kiến thức lớn của học viên. Một số giảng viên có thể áp dụng các trò chơi giáo dục hay các bài tập tình huống trong các giờ học này để học viên học tập một cách thoải mái hơn.

Trở ngại học tập cũng có thể là những thắc mắc của học viên không được giảng viên và bạn bè giải đáp một cách thấu đáo; giảng viên diễn giảng quá nhanh, nhiều học viên không kịp theo dõi và không hiểu bài, không hiểu nên khó đặt câu hỏi; giảng dạy lý thuyết nhiều quá, thiếu tài liệu hình ảnh sống động, không thu hút được sự chú ý của học viên.

Nói tóm lại, giảng viên vừa giảng dạy vừa quan sát thái độ tiếp nhận kiến thức của học viên để kịp thời thay đổi một phần nào phương pháp giảng dạy dù có khác một chút so với giáo án đã chuẩn bị. Một phương pháp hiệu nghiệm nhất ở đây là giảng viên quan sát nét mặt của học viên. Học viên hiểu bài, học viên hoang mang, giảng viên dễ nhận thấy qua nét mặt. Để đoán chắc cả lớp đã hiểu bài, giảng viên sau mỗi phần diễn giảng, ngừng lại, quan sát nét mặt mọi người và đưa ra câu hỏi có ai còn thắc mắc gì không? Dù đã đặt câu hỏi này, một vài học viên nhút nhát vẫn không dám đặt câu hỏi dù chưa thông suốt vấn đề. Giảng viên nên nhấn mạnh thêm, chúng ta sẽ trở lại vấn đề này và mọi người chuẩn bị những câu hỏi để cùng trao đổi trong buổi thảo luận nếu không đủ thời gian để đặt câu hỏi trong giờ học. Hoặc giảng viên đưa ra một câu hỏi tóm tắt phần đã diễn giảng và chỉ định học viên trả lời. Lối giảng dạy chia nhóm thảo luận cũng là một trong những giải pháp khá hữu hiệu để mọi học viên có thể đặt câu hỏi dễ dàng để thảo luận trong nhóm.



Tránh được những trở ngại trong lớp học sẽ tạo hoàn cảnh thuận tiện, phát triển động lực thúc đẩy học tập của học viên.

Ở trên là một số nhận định để giảng viên hướng dẫn học viên phát triển động lực học tập. Tuy nhiên để đạt hiệu quả cần phải có điều kiện quan trọng trong việc phát triển động lực thúc đẩy học viên học tập.

Brophy trong nghiên cứu xuất bản năm 2004 “*On Motivating Students – Về động lực thúc đẩy học sinh*” và Lepper trong nghiên cứu cũng xuất bản năm 2004 “*Motivational Considerations in the Study of Instruction – Nhận định về thúc đẩy học tập trong việc giảng dạy*” đã đưa ra bốn điều kiện căn bản để giảng viên hướng dẫn học viên phát triển động lực thúc đẩy học tập, thiếu một trong bốn điều kiện này, sự vận động sẽ không đem lại kết quả mong muốn. Cụ thể:

Thứ nhất, tổ chức lớp học hợp lý và kiểm soát thái độ học tập thích đáng của học viên

Tổ chức lớp học hợp lý tạo hoàn cảnh học tập thuận tiện cho mọi học viên trong lớp; học viên có khó khăn về thính giác về thị giác được ngồi gần bảng, học viên hay nói chuyện không ngồi gần nhau mà ngồi gần các học viên chăm chỉ. Tổ chức nhóm học tập thích hợp để học viên trong nhóm dễ dàng đóng góp ý kiến và thông suốt vấn đề. Kiểm soát thái độ học tập thích đáng của học viên để ngăn chặn kịp thời những phát biểu vô ý thức, tinh nghịch, có thể gây hiểu lầm giữa một số học viên.

Thứ hai, thái độ nhẫn nại của giáo viên

Giảng viên nhẫn nại không nản lòng trước những khó khăn do giảng dạy gây ra, trước thái độ học tập thờ ơ của học viên, công tác giảng dạy mỗi ngày một khó khăn hơn vì xã hội biến chuyển, tuổi trẻ thời đại có quá nhiều thú vui nên có một số ít thiết tha với việc học tập. Giảng viên nhẫn nại và sáng suốt không bao giờ sử dụng quyền hành một cách quá đáng, không bao giờ phê bình một cách quá thẳng thắn, không bao giờ làm học viên ngượng ngùng trước mặt các bạn vì những lỗi lầm của họ. Ai chẳng có lỗi lầm, kể cả giảng viên và không có nhầm lẫn nào

giống nhầm lẫn nào. Hôm nay ta gặp nhầm lẫn này, ta sửa được; ngày mai, có thể ta gặp một nhầm lẫn khác. Tất cả mọi người, giảng viên, cũng như học viên nên xem nhầm lẫn như một cơ hội để cải tiến.

Thứ ba, bài học, bài làm thích hợp

Bài học, bài làm phải thích hợp với khả năng kiến thức của học viên. Bài học, bài làm này luôn phải được cải tiến với thời gian để thích nghi hóa với hoàn cảnh mới để sửa chữa những khuyết điểm do kinh nghiệm giảng dạy mang lại. Đem một bài soạn cũ ra dạy là thiếu cải tiến vì chắc chắn có những thiếu sót cần được bổ túc. Vì lợi ích của bài học, bài làm thích hợp, nhà trường, khoa, tổ bộ môn nên tổ chức nhiều buổi hội thảo hàng năm để các giảng viên trao đổi kinh nghiệm về soạn bài, giảng dạy cũng như thể thức soạn thảo bài làm và cách chấm bài. Bài học, bài làm thích hợp sẽ không dễ quá, không khó quá để phát triển động lực thúc đẩy học viên học tập. Học viên cảm thấy bài học, bài làm thực tế, dễ hiểu và thích thú học hỏi để ghi nhớ lâu dài. Trong khi giảng dạy và hướng dẫn thảo luận, giảng viên không nên đặt trọng tâm bài học, bài làm vào mục đích điểm hạng cao; mà nhấn mạnh vào mục đích học hỏi tiến bộ. Một khi mục đích học hỏi tiến bộ thực hiện được thì kết quả bài làm, bài thi sẽ được mỹ mãn. Như vậy mục đích điểm hạng chỉ là một kết quả tất yếu của mục đích học hỏi tiến bộ.

Thứ tư, chương trình giáo dục thực dụng

Chương trình giáo dục nếu thiếu thực dụng, bàn bạc học hỏi những kiến thức cao xa hay thiếu thực tế so với hoàn cảnh xã hội thực tại, không khuyến khích động lực thúc đẩy học tập của học viên.

Như vậy, vấn đề động lực thúc đẩy học viên học tập do học viên chủ động, nhưng thực sự giảng viên đóng một vai trò tiên phong, hướng dẫn, mở đường và kiểm điểm thái độ học tập này hàng ngày. Học viên thành công hay không thành công còn phụ thuộc vào giảng viên quan sát, cảm nhận và thay đổi phương pháp giảng dạy để thể hiện tác động thực sự của động lực thúc đẩy học tập này./.